Việt Nam

Nền kinh tế Việt Nam vẫn duy trì tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2019, dựa trên nền tảng nhu cầu nội địa cao, ngành công nghiệp chế biến chế tạo vững vàng và đầu tư trực tiếp nước ngoài mạnh. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng được dự báo sẽ giảm đáng kể trong năm 2020, do tác động của đại dịch COVID-19. Lạm phát trong năm 2019 giảm xuống mức thấp nhất trong ba năm trở lại đây, nhưng dự báo sẽ tăng nhẹ trong năm 2020 và 2021. Thặng dư cán cân vãng lai tuy tăng trong năm 2019 nhưng sẽ giảm mạnh trong năm nay. Mặc dù nền kinh tế sẽ giảm tốc và chịu các tác động của đại dịch COVID-19, song Việt Nam vẫn được dự báo là một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong khu vực.

Tình hình kinh tế

Nền kinh tế Việt Nam ghi nhận thêm một năm tăng trưởng thành công, chỉ giảm một chút so với tốc độ tăng kỷ lục 7,1% trong năm 2018 xuống 7.0% trong năm 2019 (Hình 3.32.1). Về phía cung, khu vực công nghiệp tăng trưởng vững chắc ở mức 8,9%, duy trì mức tăng trưởng của năm 2018, khu vực dịch vụ cải thiện tốc độ tăng trưởng từ 7.0% trong năm 2018 lên 7,3% trong năm 2019, về cơ bản đã bù đắp cho sự sụt giảm của khu vực nông nghiệp. Ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 11,3%, ngành khai khoáng phục hồi từ mức sụt giảm 3,1% trong năm 2018 lên tăng trưởng 1,3% trong năm 2019, và ngành xây dựng duy trì mức tăng trên 9%. Tăng trưởng trong khu vực dịch vụ chủ yếu dựa vào dịch vụ du lịch, hoạt động ngân hàng và tài chính, bán buôn và vận tải (Hình 3.32.2). Hạn hán kéo dài và bệnh dịch tả lợn châu Phi làm tăng trưởng trong khu vựcnông nghiệp giảm sút gần một nửa, từ 3,8% trong năm 2018 xuống 2,0%.

Về phía cầu, một trong những yếu tố dẫn đến tăng trưởng mạnh là tiêu dùng cá nhân tăng 7,4% nhờ mức thu nhập tăng lên làm cho tầng lớp trung lưu tiếp tục phát triển, và lạm phát giữ ở mức khá ổn định. Trong khi đó, tiêu dùng nhà nước có mức tăng trưởng giảm từ 6,3% trong năm 2018 xuống 5,8% trong năm 2019 khi chính sách củng cố tài khóa tiếp tục được duy trì.

Tổng đầu tư vẫn giữ mức tăng trưởng cao mặc dù có giảm từ 8,2% trong năm 2018 xuống 7,9% trong năm 2019. Việt Nam đã thu hút được 38 tỉ USD đầu tư nước ngoài, tăng 7,2% so với năm trước. Đầu tư góp vốn mua cổ phầnđạt 15,5 tỉ USD, cao hơn 56% so với 2018. Dòng vốn đến từ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (PRC) và Hồng Kông, Trung Quốc trong năm 2019 tăng gấp đôi. Giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 20,4 tỉ USD, tăng 6,7% so với năm 2018 (Hình 3.32.3). Những dòng vốn nước ngoài mạnh mẽ này là yếu tố thúc đẩy đầu tư tư nhân, trong khi tốc độ giải ngân chậm làm hạn chế đầu tư của khu vực công.

Xuất khẩu đạt 263 tỉ USD, một phần phản ánh sự chuyển hướng khỏi Trung Quốc để tránh tác động của chính sách thuế quan của Mỹ. Điều này dẫn đến thặng dư thương mại hàng hóa đạt mức kỷ lục trong vòng 9 năm gần đây, gần 10 tỉ USD. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm đến hơn 70% kim ngạch xuất khẩu. Trung Quốc tiếp tục là nguồn nhập khẩu lớn nhất, chiếm tỉ trọng 33%, tiếp theo là Hàn Quốc 19% và Đông Nam Á 13%.

Lạm phát bình quân trong năm 2019 là 2,8%, đây là mức thấp nhất trong 3 năm, nguyên nhân chủ yếu là giá nhiên liệu toàn cầu giảm mặc dù giá điện, phí dịch vụ y tế, giáo dục do nhà nước điều hành gia tăng và giá lương thực cũng tăng do hạn hán và bệnh dịch tả lợn châu Phi (Hình 3.32.4). Các yếu tố nền tảng của nền kinh tế bao gồm dòng vốn đầu tư nước ngoài gia tăng làm nền tảng vững chắc cho đồng tiền Việt Nam ổn định giá trị và kiềm chế lạm phát.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) - ngân hàng trung ương tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ thận trọng trong năm 2019. Lạm phát thấp và ổn định cho phép NHNN cắt giảm lãi suất điều hành. Trong tháng 9/2019, NHNN giảm 0.25% lãi suất chiết khấu và tái cấp vốn để hỗ trợ tăng trưởng. Việc cắt giảm lãi suất lần đầu tiên kể từ năm 2017 đã củng cố niềm tin thị trường, nhưng không làm tăng thêm thanh khoản cho thị trường, và tăng trưởng tín dụng nằm trong mức kiểm soát dưới 14%. Vào tháng 11/2019, NHNN hạ trần lãi suất đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam với các kỳ hạn dưới 6 tháng và trần lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam đối với các lĩnh vực ưu tiên.

Thặng dư cán cân vãng lai tăng từ mức tương đương 2,4% GDP trong năm 2018 lên ước khoảng 5,0%, nhờ thặng dư thương mại cao và nguồn kiều hối ổn định vào khoảng 9,3 tỉ USD. Xuất khẩu hàng hóa tăng 8%, do mức tăng trưởng 10% giá trị xuất khẩu điện thoại di động, hàng điện tử và linh kiện, các mặt hàng này chiếm tỉ trọng 33% trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Nhập khẩu hàng hóa tăng 7% để cung cấp đầu vào gia tăng sản xuất máy tính, hàng điện tử và linh kiện, và cũng phản ánh mức tăng nhập khẩu xăng dầu 21%.

Thặng dư cán cân tài chính ước đạt 7,3% GDP, nhờ có luồng vốn ròng lớn từ cả đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp nước ngoài. Với cán cân vãng lai và cán cân tài chính đều đạt thặng dư, cán cân thanh toán tổng thể ước đạt mức thặng dư lên đến 8,9% GDP.

Cán cân thanh toán được cải thiện mạnh mẽ giúp cho ngân hàng trung ương tăng cường dự trữ ngoại hối, mức dự trữ tăng từ 2,7 tháng nhập khẩu vào cuối năm 2018 lên 3,6 tháng vào cuối 2019. Tỉ giá đồng Việt Nam so với đô-la Mỹ tiếp tục ổn định trong năm 2019, nhưng tiền đồng đã lên giá 2% so với đồng nhân dân tệ của Trung Quốc (Hình 3.32.6).

Củng cố tài khóa tiếp tục được thực hiện trong năm 2019 (Hình 3.32.7). Bội chi ngân sách giảm từ mức tương đương 3,7% GDP năm 2018 xuống ước còn 3,5% trong năm 2019. Thu ngân sách tăng từ 5,0% năm 2018 lên 7,3%, chủ yếu nhờ vào thu thuế tiêu thụ đặc biệt. Đồng thời, mức tăng chi tiêu công được cắt giảm từ 15,3% trong năm 2018 xuống còn 6,7%. Việc tiếp tục thắt chặt bảo lãnh vay nợ của chính phủ đi đôi với tăng trưởng kinh tế mạnh đã góp phần làm giảm tỉ lệ nợ công và nợ được chính phủ bảo

lãnh từ mức cao kỷ lục 63,7% GDP vào năm 2016 xuống còn khoảng 54,8% trong năm 2019.

Công tác xử lý nợ xấu có tiến triển nhưng còn chậm, tỉ lệ nợ xấu chính thức trên tổng dư nợ của hệ thống ngân hàng tính đến cuối năm 2019 giảm xuống còn 1,9%. Tuy nhiên, tất cả nợ xấu – không chỉ bao gồm nợ xấu trên bảng cân đối của ngân hàng và nợ xấu được Công ty Quản lý Tài sản Việt Nam quản lý cùng với các khoản nợ có rủi ro cao mà ngân hàng thương mại đang nắm giữ – trên tổng dư nợ của các ngân hàng thương mại là 4.9% vào thời điểm cuối năm 2019 . Việc đáp ứng yêu cầu an toàn vốn theo chuẩn mực Basel II vẫn là một thách thức, đến cuối năm 2019 một nửa số ngân hàng thương mại trong nước vẫn chưa đạt yêu cầu tuân thủ, đòi hỏi phải kéo dài thời hạn tuân thủ từ 2020 sang 2023.

Triển vọng kinh tế

Sự lây lan của COVID-19 và hệ quả là sự giảm tốc đột ngột của nền kinh tế toàn cầu sẽ làm tốc độ tăng trưởng giảm xuống mức 4,8% trong năm 2020. Nếu các rủi ro do COVID-19 gia tăng, kinh tế có thể suy giảm mạnh hơn.

Sự bùng phát của dịch bệnh đã leo thang lên một giai đoạn mới vào tháng 3, tác động mạnh đến tất cả các đối tác thương mại và đầu tư quan trọng của Việt Nam: Liên minh châu Âu (EU), Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và Mỹ. Ngay tại Việt Nam, các ca nhiễm COVID-19 tiếp tục tăng lên. Do đó, dịch bệnh có thể tác động nghiêm trọng đến Việt Nam, hình thành các cú sốc đối với cả phía cung và cầu ở hầu hết mọi lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng đã giảm xuống mức 3,8% trong quý 1/2020 so với mức 6,8% của cùng kỳ năm 2019.

Về phía cầu, việc hạn chế đi lại đã kìm hãm tăng trưởng tiêu dùng nội địa trong quý 1/2020. Tăng trưởng doanh số bán lẻ giảm còn 4,7% trong quý 1, so với 12,0% cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký và giải ngân đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng giảm. Trong tháng 1 và tháng 2 năm 2020, vốn đăng ký đầu tư nước ngoài giảm 23,6% so với cùng kỳ năm trước, số vốn giải ngân giảm 5,0%. Khi hoạt động thương mại toàn cầu giảm mạnh, tăng trưởng xuất khẩu được dự báo sẽ giảm xuống 5,3% trong năm 2020, tăng trưởng nhập khẩu giảm còn 4,7%, trước khi xuất khẩu phục hồi tăng trưởng trở lại ở mức 7,8% trong năm 2021 và nhập khẩu ở mức 6,8%.

Về phía cung, ngành công nghiệp chế biến chế tạo duy trì được sản xuất cho dù có những khó khăn ban đầu trong tháng 1 và tháng 2 năm 2020, chủ yếu dựa vào nguyên liệu tồn kho, tuy nhiên nguồn này cũng đang cạn dần do chuỗi cung ứng bị gián đoạn kéo dài. Do ngành công nghiệp chế biến chế tạo chiếm tỉ trọng lớn trong khu vực công nghiệp, nên tốc độ tăng trưởng của khu vực công nghiệp trong tháng 2/2020 đã giảm xuống mức 6,2% so với mức 9,2% cùng kỳ năm trước. Chỉ số quản trị mua hàng của công nghiệp chế biến chế tạo – chỉ số đo lường cơ bản của ngành – đã giảm từ 50,6 vào tháng 1/2020 qua ngưỡng 50 và rơi vào vùng suy giảm còn 49,0 vào tháng 2/2020 – lần đầu tiên xuống mức thấp như vậy trong 4 năm qua. Sản lượng công nghiệp giảm với tốc

độ nhanh nhất trong 6,5 năm qua, khi các đơn hàng mới lần đầu tiên giảm mạnh kể từ tháng 11/2015, một phần do kim ngạch xuất khẩu giảm cùng với việc giảm đơn hàng từ các nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi COVID-19. Ngành công nghiệp chế biến chế tạo tiếp tục bị gián đoạn do việc hạn chế đi lại cản trở lao động có tay nghề từ Trung Quốc và Hàn Quốc quay trở lại Việt Nam sau đợt nghỉ Tết Nguyên Đán vào cuối tháng 1, cộng với thời gian cách ly bắt buộc 14 ngày đối với những người tiếp xúc với người nhiễm bệnh. Tăng trưởng khu vực công nghiệp chậm lại, xuống mức 5,1% trong quý 1 năm nay, so với 8,6% cùng kỳ năm trước. Một khảo sát doanh nghiệp được Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính thực hiện vào tháng 3 cho biết 74% số doanh nghiệp được khảo sát dự kiến phải tạm thời dừng hoạt động nếu đến tháng 6/2020 bệnh dịch vẫn chưa được khống chế.

Cán cân tài khoản vãng lai dự kiến sẽ rơi vào tình trạng thâm hụt tương đương 0,2% GDP trong năm nay, trước khi khôi phục được mức thặng dư 1% GDP vào năm 2021. Cán cân tài chính cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi bệnh dịch. Tính đến ngày 24 tháng 3 năm 2020, chỉ số thị trường chứng khoán đã giảm mạnh 31,4% so với cuối năm 2019.

Sự bùng phát dịch COVID-19 cũng gây tổn hại cho nông nghiệp khi hầu hết tất cả các cửa khẩu biên giới đất liền giữa Trung Quốc và Việt Nam đóng cửa vào tháng 1 làm đóng băng hoạt động xuất khẩu nông sản. Do dịch bệnh kéo dài, nhu cầu đối với hàng nông sản xuất khẩu từ Việt Nam sẽ tiếp tục giảm. Bên cạnh đó, sản xuất nông nghiệp còn bị ảnh hưởng bởi tình trạng xâm nhập mặn nghiêm trọng ở đồng bằng sông Cửu Long. Tốc độ tăng trưởng trong nông nghiệp giảm mạnh xuống 0,08% trong quý đầu tiên của năm từ mức 2,7% trong cùng kỳ năm trước. Do đó, tăng trưởng nông nghiệp sẽ giảm xuống còn 1% vào năm 2020.

Tính đến thời điểm hiện nay, dịch vụ là khu vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi bệnh dịch bùng phát. Với tỉ trọng 42% GDP, khu vực dịch vụ tăng trưởng chậm lại sẽ ảnh hưởng đáng kể đến tăng trưởng kinh tế. Tác động lớn nhất thông qua sự suy giảm của hoạt động du lịch và các dịch vụ liên quan, vốn chiếm đến 40% doanh thu của khu vực dịch vụ. Trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 2 năm 2020, lượng khách du lịch chỉ tăng 4,8%, mức thấp nhất của cùng kỳ trong 5 năm qua. Vào tháng Hai, lượng khách du lịch đã giảm 37,7% so với tháng trước và giảm 21,8% so với cùng kỳ năm trước. Các hoạt động nhập cảnh của khách du lịch từ Trung Quốc, thường chiếm 30% tổng số khách du lịch nước ngoài, đã dừng lại. Khi dịch COVID-19 lan rộng trên toàn cầu, chính phủ đã ngừng cấp thị thực và áp dụng lệnh cấm nhập cảnh tạm thời đối với khách du lịch đến từ tất cả các quốc gia, làm hoạt động du lịch giảm mạnh. Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế ước tính rằng sự lây lan rộng khắp của đại dịch hiện nay sẽ khiến Việt Nam mất 23% lượng khách du lịch. Tăng trưởng của khu vực dịch vụ đã giảm một nửa xuống còn 3,2% trong quý 1 của năm 2020 từ mức 6,5% của cùng kỳ năm 2019.

Lạm phát trong tháng 3 giảm 0,7% so với tháng 2, so với mức giảm 0,2% lạm phát theo tháng của cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, lạm phát bình quân trong quý 1/2020 đã tăng lên 5,6%, mức cao nhất của cùng kỳ trong suốt giai đoạn 2016-2020, chủ yếu là do giá dịch vụ y tế và giá thịt lợn đều tăng, trong đó giá thịt lợn tăng kéo theo việc tăng giá của các loại thịt thay thế. Trong cả năm 2020, lạm phát bình quân dự kiến sẽ ở mức 3,3%, và tiếp tục tăng lên 3,5% vào năm 2021 (Hình 3.32.10). Nếu đại dịch trở nên tồi tệ

hơn dự báo hiện nay và đặc biệt là nếu giá thịt lợn vẫn tiếp tục cao thì áp lực lạm phát có thể gia tăng.

Hoạt động sản xuất kinh doanh đình trệ đã làm nhu cầu tín dụng suy yếu đáng kể. Vào cuối tháng 2 năm 2020, tăng trưởng tín dụng ước tăng 0,1% so với cuối năm 2019, mức thấp nhất trong cùng kỳ của 6 năm qua. Để hỗ trợ các doanh nghiệp bị ảnh hưởng, ngày 4 tháng 3 năm 2020 chính phủ đã công bố gói hỗ trợ trị giá khoảng 10,8 tỷ đô la để cơ cấu lại thời hạn trả nợ miễn, giảm lãi suất và phí. Sau đó, NHNN đã cắt giảm 0,5-1% các lãi suất chính sách, hạ trần đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam với các kỳ hạn dưới 6 tháng và trần lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam đối với các lĩnh vực ưu tiên, cùng một loạt biện pháp khác.

Mục tiêu bội chi ngân sách 3,4% GDP cho năm 2020 giờ đây có thể khó đạt được, khi doanh thu thuế từ các khoản thu nhập và thu từ xuất khẩu đều giảm, chi tiêu cho y tế và các quỹ hỗ trợ người lao động đều tăng, cùng với gói hỗ trợ tài khóa mới công bố gần đây trị giá khoảng 1,3 tỷ USD thông qua giảm thuế, phí, và gia hạn nộp thuế với doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid19. Vì vậy, thâm hụt ngân sách dự báo sẽ tăng lên tương đương 4,2% GDP vào năm 2020 trước khi có sự cải thiện ở mức 3,5% GDP vào năm 2021.

Mặc cho khả năng bị ảnh hưởng nặng nề của dịch COVID-19, các yếu tố nền tảng của kinh tế Việt Nam vẫn được duy trì. Nếu khống chế được dịch bệnh trong nửa đầu năm 2020, tăng trưởng sẽ hồi phục trở lại mức 6,8% vào năm 2021 và duy trì mạnh mẽ trong trung và dài hạn.

Các yếu tố thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - tầng lớp trung lưu đang phát triển và khu vực tư nhân năng động, đáng chú ý là kinh tế hộ gia đình và các doanh nghiệp tư nhân trong nước – vẫn vững mạnh. Tầng lớp trung lưu ở Việt Nam là một trong những nhóm có tốc độ phát triển nhanh nhất ở Đông Nam Á. Theo Tập đoàn tư vấn Boston, quy mô của tầng lớp trung lưu đã tăng gấp đôi kể từ năm 2014 lên 33 triệu người, tức là một phần ba dân số của cả nước.

Tương tự, môi trường kinh doanh tiếp tục cải thiện. Giải ngân đầu tư công được cải thiện đáng kể, tăng gần 18% trong giai đoạn tháng 1-2 năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019. Giải ngân sẽ tiếp tục được cải thiện trong năm 2020 vì đây là một trong các biện pháp tài khóa ưu tiên để ứng phó với dịch COVID-19.

Số lượng lớn các hiệp định thương mại song phương và đa phương mà Việt Nam tham gia hứa hẹn tăng cường việc tiếp cận thị trường cho Việt nam, đây là yếu tố thiết yếu cho sự phục hồi kinh tế sau COVID-19. Việc Trung Quốc khống chế được COVID-19 và khả năng thị trường Trung Quốc có thể trở lại bình thường sẽ giúp hồi sinh chuỗi giá trị toàn cầu và tạo điều kiện thuận lợi cho phục hồi kinh tế tại Việt Nam.

Thách thức chính sách – các ngành công nghệ cao và việc làm có hàm lượng tri thức cao

Việt Nam đã nhanh chóng hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu và dịch chuyển lên nấc thang cao hơn trên chuỗi giá trị gia tăng từ nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp nhẹ và tiếp theo là sản xuất hàng điện tử. Tổng kim ngạch thương mại của nền kinh tế đã cao gấp đôi GDP, và Việt Nam nhanh chóng nổi lên như một trung tâm quan trọng trong chuỗi giá trị ở Đông Nam Á trong lĩnh vực sản xuất hàng điện tử và phần cứng cho công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT&TT). Trong năm 2019, xuất khẩu các mặt hàng CNTT&TT và điện tử ước tính đạt 91,0 tỷ USD, chiếm 34,4% tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu.

Trong năm 2018 Việt Nam có 38.861 công ty CNTT&TT và hiện nay đang có đến 2.000 công ty khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ. Đầu tư của các công ty đa quốc gia lớn và các nhà đầu tư nước ngoài khác giải thích cho phần lớn sự tăng trưởng nhanh chóng này, nhưng các công ty trong nước cũng đang phát triển nhanh chóng, đáng chú ý là lĩnh vực thương mại điện tử và công nghệ tài chính (fintech). Về phần mình, chính phủ đã áp dụng các chính sách và quy định mới để khuyến khích xu hướng phát triển này. Sự phát triển của nền kinh tế số mang lại cơ hội mới cho những việc làm có hàm lượng tri thức cao. Doanh thu thuần của các công ty cung cấp phần mềm, nội dung số và dịch vụ CNTT&TT đã tăng từ 7,7 tỷ đô la năm 2015 lên 11,5 tỷ đô la trong năm 2018 (Hình 3.32.11). Các doanh nghiệp này đóng góp 11,1% vào doanh thu thuần của ngành CNTT&TT, và là một nguồn sử dụng lao động rất quan trọng. Số lượng việc làm trong ngành sản xuất CNTT & TT đã tăng từ 533.000 trong năm 2015 lên 718.000 vào năm 2018. Cũng trong giai đoạn này, việc làm trong ngành công nghiệp phần mềm, nội dung số và dịch vụ CNTT&TT đã tăng 36%, đạt con số 255.000 việc làm.

Việt Nam xếp thứ 42 trong số 129 quốc gia về Chỉ số Đổi mới sang tạo Toàn cầu 2019, kề vai với các nền kinh tế hàng đầu được xếp vào nhóm các nước có thu nhập trung bình cao. Bảng xếp hạng này phản ánh kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu CNTT-TT cao. Việt Nam có những lợi thế khác cho phép cải thiện hơn nữa về chỉ số này. Việt Nam có nền giáo dục tiểu học và trung học cơ sở có chất lượng, dân số trẻ, lao động dồi dào và tín dụng phong phú, với tổng dư nợ cho vay của hệ thống ngân hàng ước tính bằng 135% GDP trong năm 2019.

Tuy nhiên, vẫn còn một số yếu tố kìm hãm sự phát triển của hệ thống đổi mới sáng tạo của Việt Nam. Thứ nhất, tổng chi tiêu của cả nước cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D), cả khu vực công lẫn khu vực tư, chỉ bằng 0,53% GDP trong năm 2017, thấp hơn nhiều so với mức 1,44% GDP của Malaysia và 0,78% GDP của Thái Lan một năm trước đó, điều này cho thấy rõ ràng rằng Việt Nam cần phải đẩy mạnh chi tiêu cho R&D. Thứ hai, các trường đại học ở Việt Nam có thứ bậc xếp hạng thấp hơn so với các nước thu nhập trung bình cao ở Đông Nam Á cả về chất lượng và số lượng, được đo lường bằng tỷ lệ sinh viên nhập học thô. Mặc dù Việt Nam có ưu điểm hơn về số lượng sinh viên học đại học ở nước ngoài và hàng năm có 55.000 sinh viên trong nước ghi danh theo học các ngành CNTT&TT ở bậc đại học, nhưng số lượng sinh viên tốt nghiệp trong tương lai này có thể vẫn không đủ để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của các ngành CNTT&TT đang phát triển nhanh chóng. Đảm bảo sinh viên mới tốt nghiệp ra trường ngày càng nhiều hơn và chất lượng cao hơn là yếu tố rất quan trọng để Việt Nam có thể đạt được bước nhảy vọt trong đổi mới công nghệ. Thứ ba, trong khi khu vực tài chính tăng trưởng ổn định và các công nghệ fintech sáng tạo đang được áp dụng, khung

pháp lý hiện hành không theo kịp sự phát triển của các sản phẩm và dịch vụ fintech. Một hành lang pháp lý thuận lợi, cho phép ươm tạo, nuôi dưỡng việc áp dụng fintech sẽ giúp Việt Nam phát triển các dịch vụ tài chính theo cả chiều sâu và chiều rộng.